

Số: 1885 /QĐ-UBND

Trảng Bom, ngày 12 tháng 12 năm 2025

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với 16 trường hợp (Đợt 1) để thực hiện dự án đường Nguyễn Hữu Cảnh (đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến đường Nguyễn Huệ), tại thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom (nay là xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai)

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TRẮNG BOM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội, Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật nhà ở số 27/2023/QH15, Luật kinh doanh Bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các Tổ chức Tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định giá đất; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 59/2024/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh về việc Ban hành đơn giá bồi thường về nhà, công trình xây dựng để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi thu hồi đất, bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 74/2024/QĐ-UBND ngày 04/12/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc bổ sung Quyết định số 59/2024/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh về việc Ban hành đơn giá bồi thường về nhà, công trình xây dựng để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi thu hồi đất, bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 56/2022/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 5 năm, giai đoạn 2020 - 2024; Quyết định số 86/2024/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai về điều chỉnh, bổ sung một số điều của Quy định về điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 5 năm, giai đoạn 2020 - 2024 ban hành kèm theo Quyết định số 56/2022/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai;



Căn cứ Quyết định số 30/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai, Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh/khu vực với cơ quan có chức năng quản lý đất đai, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai, Ban hành Quy định đơn giá bồi thường, thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 66/2025/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai, Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về ban hành Quy định đơn giá bồi thường, thiệt hại về cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh Đồng Nai, Quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án nhóm B, nhóm C trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; trong đó có dự án đường Đường Nguyễn Hữu Cảnh (đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến đường Nguyễn Huệ), tại thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom; Quyết định số 2896/QĐ-UBND ngày 14/8/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh đối với Dự án đường Đường Nguyễn Hữu Cảnh (đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến đường Nguyễn Huệ), tại thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom;

Căn cứ Quyết định số 1118/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai;

Thực hiện Văn bản số 88/UBND-KTNS ngày 03 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc giao nhiệm vụ chủ đầu tư đối với các dự án đầu tư công sau khi tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp tỉnh Đồng Nai được hình thành; Văn bản số 1346/SoNNMT-ĐĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường, v/v hướng dẫn áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật sau khi sát nhập tỉnh;

Thực hiện Văn bản số 1579/HĐTĐGD ngày 05/9/2025 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể xã Trảng Bom về việc thẩm định Phương án giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Đường Nguyễn Hữu Cảnh (đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến đường Nguyễn Huệ), tại thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom (nay là xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai);

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 657/TTr-KT ngày 10 tháng 12 năm 2025,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với 16 trường hợp (Đợt 1) để thực hiện dự án đường Nguyễn Hữu Cảnh (đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến đường Nguyễn

Huệ), tại thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom (nay là xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai), bao gồm:

1. Phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đường Nguyễn Hữu Cảnh (đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến Nguyễn Huệ), tại thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom (nay là xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai), với các nội dung sau:

1.1. Mục đích định giá đất và các thông tin về khu đất định giá:

a) Mục đích định giá đất: Xác định giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

b) Các thông tin về khu đất định giá:

- Diện tích đất định giá: Khoảng 5.136,5 m<sup>2</sup>.

- Vị trí khu đất: tại xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Vị trí, ranh giới và diện tích khu đất được xác định theo Trích lục và biên vẽ khu đất bản đồ địa chính số 1218/2023 tỷ lệ 1:1000 do Công ty TNHH Tư vấn thiết kế đo đạc Đại Thành thực hiện ngày 09/11/2023, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký kiểm tra nội nghiệp ngày 05/12/2023 và Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 1526/2024 tỷ lệ 1:1000 do Công ty TNHH Tư vấn thiết kế đo đạc Đại Thành thực hiện ngày 21/6/2024, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký kiểm tra nội nghiệp ngày 28/6/2024.

- Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm (CLN), đất thương mại dịch vụ (TMD) và đất ở tại nông thôn (ONT).

1.2. Phê duyệt kết quả định giá đất:

Giá đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện đường Nguyễn Hữu Cảnh (đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến Nguyễn Huệ), tại thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom (nay là xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai), cụ thể như sau:

STT	Mục đích sử dụng đất	Khu vực	Theo Quyết định 56/2022/QĐ-UBND và 86/2024/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai		Giá đất định giá (đồng/m <sup>2</sup> )	Hệ số điều chỉnh giá đất
			Vị trí	Giá đất (đồng/m <sup>2</sup> )		
1	Đất ở	Đường Nguyễn Hữu Cảnh, đoạn từ trụ sở Hội người mù đến cây xăng Thành Thái	Vị trí 1	11.000.000	21.905.000	1,9914

STT	Mục đích sử dụng đất	Khu vực	Theo Quyết định 56/2022/QĐ-UBND và 86/2024/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đồng Nai		Giá đất định giá (đồng/m <sup>2</sup> )	Hệ số điều chỉnh giá đất
			Vị trí	Giá đất (đồng/m <sup>2</sup> )		
2		Quốc lộ 1 (trừ những đoạn đã có đường Song hành)	Vị trí 1	10.000.000	19.914.000	1,9914
3	TMD	Quốc lộ 1 (trừ những đoạn đã có đường Song hành)	Vị trí 1	7.000.000	13.940.000	1,9914
4	CLN	Thị trấn Trảng Bom (nay là xã Trảng Bom)	Vị trí 1	250.000	4.709.000	18,8353

Đối với các thửa đất có 2 mặt tiền đường phố (hoặc đường giao thông chính) trở lên thì xác định giá theo đường có mức giá cao nhất và nhân với hệ số 1,1 theo điểm a, khoản 7, Điều 5, Quyết định số 86/2024/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh, bổ sung một số điều của quy định về điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 5 năm, giai đoạn 2020 - 2024 ban hành kèm theo Quyết định số 56/2022/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

2. Phê duyệt Phương án số 89/PA-TTPTQĐ.TB ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Trảng Bom, Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với 16 trường hợp (Đợt 1) để thực hiện dự án đường Nguyễn Hữu Cảnh (đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến đường Nguyễn Huệ), tại thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom (nay là xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai), bao gồm:

2.1. Tổng số trường hợp phê duyệt bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 16 trường hợp hộ gia đình, cá nhân (12 trường hợp có đất, tài sản thu hồi và 04 trường hợp tài sản tạo lập trên đất thu hồi của người khác).

2.2. Tổng số trường hợp bồi thường, hỗ trợ về đất: 12 trường hợp hộ gia đình, cá nhân và tổ chức với diện tích 4.860,8m<sup>2</sup> đất ở, đất CLN, đất TMD, đất TSC, đất XD, trong đó: 2.044,0m<sup>2</sup> (240,5m<sup>2</sup> đất ở và 1.803,5m<sup>2</sup> đất nông nghiệp) của hộ gia đình, cá nhân và 2.816,8m<sup>2</sup> đất của tổ chức.

2.3. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án là: **22.853.715.592 đồng** (Bằng chữ: Hai mươi hai tỷ, tám trăm năm mươi ba triệu, bảy trăm mười lăm ngàn, năm trăm chín mươi hai đồng).

- Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của hộ gia đình, cá nhân và tổ chức là: **22.085.618.929 đồng** (Bằng chữ: Hai mươi hai tỷ, không trăm tám mươi lăm triệu, sáu trăm mười tám ngàn, chín trăm hai mươi chín đồng), cụ thể:

+ Giá trị bồi thường về đất:	13.281.998.500 đồng.
+ Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà ở:	7.503.798.400 đồng.
+ Giá trị bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc, tài sản:	640.150.286 đồng.
+ Giá trị bồi thường cây trồng:	71.986.743 đồng.
+ Giá trị chính sách hỗ trợ (hỗ trợ ổn định đời sống; chuyển đổi nghề nghiệp, tìm kiếm việc làm):	447.685.000 đồng.
+ Thưởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn:	140.000.000 đồng.

- Chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ (3,5%):

21.945.618.929 đồng x 3,5% = **768.096.663 đồng** (Bằng chữ: Bảy trăm sáu mươi tám triệu, không trăm chín mươi sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi ba đồng).

Trong đó:

Kinh phí của UBND xã Trảng Bom (15%): 768.096.663 đồng \* 15% = **115.214.499 đồng**.

(Có danh sách kèm theo)

#### 2.4. Phương án bố trí tái định cư:

15 trường hợp không đủ điều kiện bố trí tái định cư và 01 trường hợp đủ điều kiện bố trí tái định cư theo quy định tại Khoản 4 Điều 111 Luật Đất đai năm 2024; Điểm a Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

(Có danh sách kèm theo)

2.5. Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Thực hiện theo Điều 87 của Luật Đất đai 2024.

3. Phê duyệt các Phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với từng trường hợp người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất để thực hiện dự án đường Nguyễn Hữu Cảnh (đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến đường Nguyễn Huệ), tại thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom (nay là xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai), gồm các phương án số 65, 66, 67, 69, 70, 71, 72, 73, 74, 75, 76, 79/PA-PTQĐ ngày 12/11/2025 và phương án số: 84, 85, 86, 87/PA-PTQĐ ngày 03/12/2025 của Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Trảng Bom.

4. Các nội dung khác: Không có.

#### Điều 2. Nhiệm vụ, trách nhiệm của các bên liên quan:

1. Phòng Kinh tế xã Trảng Bom có trách nhiệm:

- Niêm yết Quyết định phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Trảng Bom và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

- Hoàn thiện hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân xã ban hành quyết định thu hồi đất đối với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi theo quy định.

2. Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Trảng Bom có trách nhiệm:

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Trảng Bom phổ biến, niêm yết công khai quyết định phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Trảng Bom và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

- Gửi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đến người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

- Thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được Ủy ban nhân dân xã phê duyệt.

3. Chủ đầu tư Ban Quản lý dự án khu vực 3 có trách nhiệm:

Chuyển kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Trảng Bom để chi trả theo quyết định phê duyệt.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, Thủ trưởng các Phòng, Ban: Kinh tế; Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh - Chi nhánh Trảng Bom; Thuế cơ sở 6 Đồng Nai; Phòng giao dịch số 01, thuộc Kho bạc Nhà nước Khu vực XVII; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất Chi nhánh Trảng Bom; Giám đốc Ban Quản lý dự án khu vực 3 và tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *th*

**Nơi nhận:** *th*

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND xã;
- Chánh, Phó Chánh VP. HĐND&UBND xã;
- Lưu: VT, KT.

THUY

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phan Trung Tính**

BẢNG TỔNG HỢP BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ (ĐỢT 1)

Dự án: Đầu tư xây dựng đường Nguyễn Hữu Cánh (đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến đường Nguyễn Huệ), tại thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai).

(Kèm theo Quyết định số: 1885.../QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Trảng Bom)

DVT: Đồng

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất bồi thường (m <sup>2</sup> )				Diện tích đất không bồi thường (m <sup>2</sup> )	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà ở	Giá trị bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc và tài sản khác	Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư
				Nông nghiệp		Phi nông nghiệp									
				Tổng	Trong đó đất nông nghiệp	Tổng	Trong đó đất ở								
1	Hồ ông Nguyễn Long Phụng người được cấp giấy chứng nhận QSD đất - đã chết (hiện gia đình chưa thỏa thuận phân chia di sản thừa kế) (bà Nguyễn Thị Ngọc Lan - người đại diện)	ấp 1, xã Trảng Bom	168,1	168,1	168,1	0,0	0,0	791.582.900	502.086.000	1.500.000	-	-	20.000.000	1.315.168.900	
2	Trương Quốc Hoàng (tài sản tạo lập trên thửa đất số 281, tờ số 20)	ấp 1, xã Trảng Bom	-	-	-	-	-	-	1.012.605.360	52.410.000	-	-	-	1.065.015.360	
3	Phạm Thị Hương (tài sản tạo lập trên thửa đất số 266, tờ số 20)	ấp 2, xã Trảng Bom	-	-	-	-	-	-	317.140.000	16.682.000	-	-	-	333.822.000	
4	Phạm Thị Châu Linh (tài sản tạo lập trên thửa đất 283, tờ số 20)	ấp 5, xã Trảng Bom	-	-	-	-	-	-	2.221.221.780	101.536.248	13.267.052	-	-	2.336.025.080	
5	Lê Minh Thông (tài sản tạo lập trên thửa đất số 266, tờ số 20)	ấp 2, xã Trảng Bom	-	-	-	-	-	-	352.530.400	33.450.648	-	-	-	385.981.048	
6	Nguyễn Thị Ngọc Lan	ấp 1, xã Trảng Bom	168	168,0	168,0	-	-	791.112.000	-	-	-	3.600.000	20.000.000	814.712.000	
7	Nguyễn Thị Thu Hương	ấp 1, xã Trảng Bom	154,9	154,9	154,9	-	-	729.424.100	-	-	-	3.600.000	20.000.000	753.024.100	
8	Lê Phi Hùng	ấp 1, xã Trảng Bom	109,9	-	-	109,9	109,9	2.188.548.600	398.350.000	47.292.000	1.203.469	64.000.000	20.000.000	2.719.394.069	
9	Phạm Thị Ngọc	ấp 1, xã Trảng Bom	568	568,0	568,0	-	-	2.674.712.000	894.284.110	52.981.300	-	103.372.500	20.000.000	3.745.349.910	
10	Nguyễn Thị Thơm, Nguyễn Thị Hồng, Nguyễn Hà Thanh Tâm	ấp 1, xã Trảng Bom	686,1	555,5	555,5	130,6	130,6	5.216.617.900	582.941.000	177.117.450	33.816.865	255.112.500	20.000.000	6.285.605.715	
11	Nguyễn Thanh Bình	ấp 1, xã Trảng Bom	189	189,0	189,0	-	-	890.001.000	1.222.639.750	157.180.640	23.699.357	18.000.000	20.000.000	2.331.520.747	



STT	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m <sup>2</sup> )	Diện tích đất bồi thường (m <sup>2</sup> )				Diện tích đất không bồi thường (m <sup>2</sup> )	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ nhà ở	Giá trị bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc và tài sản khác	Giá trị bồi thường, hỗ trợ cây trồng	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Thưởng bàn giao mặt bằng trước thời hạn	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ, tái định cư
				Nông nghiệp		Phi nông nghiệp									
				Tổng	Trong đó đất nông nghiệp	Tổng	Trong đó đất ở								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
12	Ngân hàng chính sách xã hội huyện Trảng Bom	ấp 1, xã Trảng Bom	429,8						-						0
13	Công ty TNHH MTV tổng công ty cao su Đồng Nai	ấp 1, xã Trảng Bom	1.786						-	-	-	-	-	-	0
14	Trung tâm Dịch vụ hạ tầng công ích huyện	ấp 1, xã Trảng Bom	52						-	-	-				0
15	UBND thị trấn Trảng Bom (nay xã Trảng Bom)	ấp 1, xã Trảng Bom	284,3						-		-				0
16	Văn phòng UBND TT.Trảng Bom (nay xã Trảng Bom)	ấp 1, xã Trảng Bom	264,7						-						0
<b>Cộng</b>			<b>4.860,8</b>	<b>1.803,5</b>	<b>1.803,5</b>	<b>240,5</b>	<b>240,5</b>		<b>13.281.998.500</b>	<b>7.503.798.400</b>	<b>640.150.286</b>	<b>71.986.743</b>	<b>447.685.000</b>	<b>140.000.000</b>	<b>22.085.618.929</b>
<b>1, Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân</b>															<b>22.085.618.929</b>
<b>Trong đó: Kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư để tính mức trích kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (không bao gồm thưởng bàn giao mặt bằng)</b>															<b>21.945.618.929</b>
<b>2, Chi phí đảm bảo cho việc thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ 3,5%</b>															<b>768.096.663</b>
<b>Trong đó: Kinh phí của UBND xã Trảng Bom (15%)</b>															<b>115.214.499</b>
<b>TỔNG CỘNG (1) + (2)</b>															<b>22.853.715.592</b>

PHÒNG KINH TẾ  
TRƯỞNG PHÒNG

Vương Đình Hiếu



KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Trung Tính

DANH SÁCH PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN ĐƯỜNG NGUYỄN HỮU CẢNH (ĐOẠN TỪ ĐƯỜNG NGUYỄN HOÀNG ĐẾN ĐƯỜNG NGUYỄN HUỆ), TẠI XÃ TRĂNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI.

(Kèm theo Quyết định số: 1885/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Trăng Bom)

STT	Họ và tên	Số tờ	Số thửa	Tổng diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )				Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )			Xác nhận của UBND thị trấn Trăng Bom (nay là xã Trăng Bom)	Tiêu chí xác định	Kết quả xét	Ghi chú
					Tổng	Đất ở	Đất nông nghiệp	Đất khác	Tổng	Đất ở	Đất nông nghiệp				
<b>I CÁC TRƯỜNG HỢP ĐỦ ĐIỀU KIỆN</b>															
1	Ông Lê Phi Hùng	20	282	174,3	109,90	109,90	-	-	64,40	64,40	-	Diện tích còn lại là 54,6m <sup>2</sup> đất ở. Không còn đất ở, nhà ở khác trên địa bàn xã Trăng Bom	Căn cứ Điều 111, Luật đất đai năm 2024; Điều 11 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ	Đủ điều kiện	
<b>II CÁC TRƯỜNG HỢP KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN</b>															
1	Ông Nguyễn Long Phụng người được cấp giấy chứng nhận QSD đất - đã chết (hiện gia đình chưa thỏa thuận phân chia di sản thừa kế) (bà Nguyễn Thị Ngọc Lan - người đại diện)	32	10	265	168,10	-	168,1	0	96,9	70	26,9	Không bị thu hồi đất ở	Căn cứ Điều 111, Luật đất đai năm 2024; Điều 11 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ	Không đủ điều kiện	
2	Nguyễn Thanh Bình	32	32	312,7	189,00	-	189	0	123,7	60	63,7	Không bị thu hồi đất ở	Căn cứ Điều 111, Luật đất đai năm 2024; Điều 11 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ	Không đủ điều kiện	
3	Nguyễn Thị Ngọc Lan	32	33	266,4	168,00	-	168	0	98,4	60	38,4	Không bị thu hồi đất ở	Căn cứ Điều 111, Luật đất đai năm 2024; Điều 11 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ	Không đủ điều kiện	
4	Nguyễn Thị Thu Hương	32	34	244,4	154,90	-	154,9	0	89,5	60	29,5	Không bị thu hồi đất ở	Căn cứ Điều 111, Luật đất đai năm 2024; Điều 11 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ	Không đủ điều kiện	
5	Phạm Thị Ngọc	20	266	647,2	316,70	-	316,7	0	330,5	314	16,5	Không bị thu hồi đất ở	Căn cứ Điều 111, Luật đất đai năm 2024; Điều 11 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ	Không đủ điều kiện	
		20	283	364	251,30	-	251,3	0	112,7	98	14,7				
6	Nguyễn Thị Thơm, Nguyễn Thị Hồng, Nguyễn Hà Thanh Tâm	20	281	1046,9	686,10	130,6	555,50	0	360,8	119,4	241,4	Diện tích còn lại 119,4 m <sup>2</sup> đất ở, không phải di chuyển chỗ ở	Căn cứ Điều 111, Luật đất đai năm 2024; Điều 11 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ	Không đủ điều kiện	
7	Ngân hàng chính sách xã hội huyện Trăng Bom	29	782	1246,3	429,80				429,8	816,5		Không bị thu hồi đất ở	Căn cứ Điều 111, Luật đất đai năm 2024; Điều 11 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ	Không đủ điều kiện	

STT	Họ và tên	Số tờ	Số thửa	Tổng diện tích thửa đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích thu hồi (m <sup>2</sup> )				Diện tích còn lại (m <sup>2</sup> )			Xác nhận của UBND thị trấn Trảng Bom (nay là xã Trảng Bom)	Tiêu chí xác định	Kết quả xét	Ghi chú
					Tổng	Đất ở	Đất nông nghiệp	Đất khác	Tổng	Đất ở	Đất nông nghiệp				
8	Công ty TNHH MTV tổng công ty cao su Đồng Nai	29	13	14.494	1.786,00		1.786,00		12.708,00			Không bị thu hồi đất ở	Căn cứ Điều 111, Luật đất đai năm 2024; Điều 11 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ	Không đủ điều kiện	
9	Trung tâm Dịch vụ hạ tầng công ích huyện	23	154	1.702,20	52,00			52	1.650,20			Không bị thu hồi đất ở	Căn cứ Điều 111, Luật đất đai năm 2024; Điều 11 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ	Không đủ điều kiện	
10	UBND thị trấn Trảng Bom (nay xã Trảng Bom)	23	157	875,3	18,30			18,3	857,00			Không bị thu hồi đất ở	Căn cứ Điều 111, Luật đất đai năm 2024; Điều 11 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ	Không đủ điều kiện	
		29	781	284,3				284,3	0,00			Không bị thu hồi đất ở	Căn cứ Điều 111, Luật đất đai năm 2024; Điều 11 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ	Không đủ điều kiện	
11	Văn phòng UBND thị trấn Trảng Bom (nay xã Trảng Bom)	32	9	3.813,20	264,70			264,70	3.548,50			Không bị thu hồi đất ở	Căn cứ Điều 111, Luật đất đai năm 2024; Điều 11 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ	Không đủ điều kiện	
12	Trương Quốc Hoàng (tài sản tạo lập trên thửa đất số 281, tờ số 20)											Không bị thu hồi đất	Căn cứ Điều 111, Luật đất đai năm 2024; Điều 11 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ	Không đủ điều kiện	
13	Phạm Thị Hương (tài sản tạo lập trên thửa đất số 266, tờ số 20)											Không bị thu hồi đất	Căn cứ Điều 111, Luật đất đai năm 2024; Điều 11 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ	Không đủ điều kiện	
14	Phạm Thị Châu Linh (tài sản tạo lập trên thửa đất 283, tờ số 20)											Không bị thu hồi đất	Căn cứ Điều 111, Luật đất đai năm 2024; Điều 11 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ	Không đủ điều kiện	
15	Lê Minh Thông (tài sản tạo lập trên thửa đất số 266, tờ số 20)											Không bị thu hồi đất	Căn cứ Điều 111, Luật đất đai năm 2024; Điều 11 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ	Không đủ điều kiện	

PHÒNG KINH TẾ  
TRƯỞNG PHÒNG



Vương Đình Hiếu



KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Trung Tính